TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12/02/2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Đức Minh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lưu và ông Nguyễn Ái Tân.
- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2028, tại: Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2025/QĐST - HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2026/QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị M, sinh năm: 1994; địa chỉ nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, tỉnh Quảng Trị, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;
- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm: 1985; địa chỉ nơi cư trú: Thôn P, xã G, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 10 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị M ***trình bày:***

- Về tình cảm: Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Minh T đăng ký kết hôn tự nguyện, hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là xã N, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 10/7/2012. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, nhưng vài năm trở lại đây, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, với lý do: Tính tình không hợp nhau nên thường xảy ra cải vã và đã không còn sống chung với nhau từ năm 2020. Nay, chị M nhận thấy cuộc sống chung giữa vợ chồng không thể tiếp tục được, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên chị M có nguyện vọng xin được ly hôn với anh T.
- Về con chung: Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Minh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 29/01/2013 và cháu Nguyễn Ngọc Thái H1,

sinh ngày 05/8/2014. Hiện nay các cháu đang ở với anh T nên khi ly hôn chị M có nguyện vọng giao cả 02 cháu: H và H1 cho anh Nguyễn Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị M không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

Bị đơn anh** Nguyễn Minh T**: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T nhưng anh T không có mặt và cũng không có ý kiến gì. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho anh T đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Đương sự đã cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình, Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để xem xét quá trình sinh sống và quan hệ hôn nhân giữa chị M, anh T tại địa phương đối với trưởng thôn P, xã G, tỉnh Quảng Trị.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn chị Phạm Thị M: Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Minh T: Vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định, đảm bảo để nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị M đối với anh Nguyễn Minh T. Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 29/01/2013 và cháu Nguyễn Ngọc Thái H1, sinh ngày 05/8/2014 cho anh Nguyễn Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị M cho rằng không có, anh Hồ Văn H2 không có ý kiến gì, nên đề nghị không xét. Về án phí: Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị M có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Minh T. Vì vậy, đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Minh T có nơi đăng ký cư trú tại thôn P, xã G, tỉnh Quảng Trị. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Quảng Trị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Phạm Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M, anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Minh T đăng ký kết hôn tự nguyện, hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là xã N, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 10/7/2012. *(Giấy chứng nhận kết hôn năm 2012),* đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị M và anh T chung sống hạnh phúc, cùng nhau xây dựng gia đình, nhưng sau đó theo trình bày của chị M phát sinh nhiều mâu thuẫn với lý do: Tính tình không hợp nhau nên thường xảy ra cải vã và đã không còn sống chung với nhau từ năm 2020. Mặc dù, chị M đã tìm mọi cách khắc phục để tiếp tục xây dựng cuộc sống hôn nhân nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không thay đổi. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh T để tiến hành làm việc nhưng anh T vẫn vắng mặt và cũng không có ý kiến gì, chứng tỏ anh T bỏ mặc, không có thiện chí muốn khắc phục mâu thuẫn vợ chồng.

Tòa án đã tiến hành xác minh quá trình sinh sống và quan hệ hôn nhân giữa chị M, anh T tại địa phương đối với trưởng thôn P, xã G, tỉnh Quảng Trị nơi chị M và anh T đã từng sinh sống và gia đình anh T, kết quả: Sau khi kết hôn chị M, anh T sống hạnh phúc tại thôn P, xã G, tỉnh Quảng Trị được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, xảy ra cãi vã nên hiện nay đã không còn sống chung với nhau, anh T hiện sống với con ở địa phương.

Xét thấy, trình bày của chị M là phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, thực tế mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa chị M và anh T đã trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị M yêu cầu được ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Theo hồ sơ vụ án và trình bày của chị Phạm Thị M, vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 29/01/2013 và cháu Nguyễn Ngọc Thái H1, sinh ngày 05/8/2014. Xét thấy, khi ly hôn, chị M có nguyện vọng giao cháu H và cháu H1 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị M không phải cấp dưỡng nuôi con. Tòa án cũng đã lấy ý kiến của cháu H và cháu H1 về nguyện vọng của cháu khi bố, mẹ ly hôn thì cháu H và cháu H1 hiện đang ở với bố là anh T nên các cháu có nguyện vọng được ở với bố là anh T. Trong quá trình

giải quyết vụ án anh T không có ý kiến gì. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu H và cháu H1 nên việc xem xét giao cháu H và cháu H1 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế, phù hợp với nguyện vọng của cháu H và cháu H1, đúng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị M cho rằng không có, anh Nguyễn Minh T vắng mặt và không có ý kiến gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn, vì vậy nguyên đơn chị Phạm Thị M phải có nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Minh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị M. Chị Phạm Thị Mỹ ly H3 với anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 29/01/2013 và cháu Nguyễn Ngọc Thái H1, sinh ngày 05/8/2014 cho anh Nguyễn Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H, cháu H1 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị Phạm Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phạm Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con; Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị M phải chịu số tiền: 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: 0000860 ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Quảng Trị. Chị Phạm Thị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Minh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV8 - Quảng Trị;
- P. THADS KV8 - Quảng Trị;
- UBND xã Nam Cửa Việt;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Lê Đức Minh